

BẢNG ĐIỂM KỲ THI

CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Ngày Thi: 28/9/2025

| STT | SBD      | Họ và Tên       |       | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm lý thuyết | Điểm Thực hành | Kết quả   | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------|-------|------------|-----------------------|----------------|----------------|-----------|---------|
| 1   | BKCB9650 | Phạm Vương Hoài | An    | 02/07/2007 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.0            | 8.67           | Đạt       |         |
| 2   | BKCB9651 | Hồ Trúc         | Anh   | 16/08/2006 | Tây Ninh              | 7.0            | 8.83           | Đạt       |         |
| 3   | BKCB9652 | Trần Hải        | Anh   | 05/03/2006 | Thành phố Hồ Chí Minh | 5.0            | 7.17           | Đạt       |         |
| 4   | BKCB9653 | Nguyễn Thị Hồng | Ánh   | 25/05/2004 | Đắk Nông              | 8.67           | 8.0            | Đạt       |         |
| 5   | BKCB9654 | Nguyễn Chí      | Ba    | 13/02/2002 | Bình Định             | 7.0            | 9.5            | Đạt       |         |
| 6   | BKCB9655 | Trần Trọng      | Bằng  | 14/10/2007 | Long An               | 5.0            | 9.67           | Đạt       |         |
| 7   | BKCB9656 | Hồ Thế          | Bảo   | 17/05/1999 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.33           | 9.33           | Đạt       |         |
| 8   | BKCB9657 | Nguyễn Quốc     | Bảo   | 09/05/1999 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8.33           | 9.17           | Đạt       |         |
| 9   | BKCB9658 | Nguyễn Công     | Bính  | 05/11/1996 | Hà Nội                | 6.33           | 9.5            | Đạt       |         |
| 10  | BKCB9659 | Đỗ Thanh        | Bình  | 01/03/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 10.0           | 9.67           | Đạt       |         |
| 11  | BKCB9660 | Đoàn Minh       | Châu  | 26/02/2000 | Thành Phố Hồ Chí Minh | 9.0            | 9.33           | Đạt       |         |
| 12  | BKCB9661 | Nguyễn Hồng Bảo | Châu  | 16/12/2004 | Hà Nội                | 9.33           | 9.83           | Đạt       |         |
| 13  | BKCB9662 | Nguyễn Bảo      | Chi   | 13/09/2007 | Hà Tĩnh               | 6.0            | 5.67           | Đạt       |         |
| 14  | BKCB9663 | Lý Duy          | Đăng  | 17/02/2002 | Sóc Trăng             | 9.33           | 8.17           | Đạt       |         |
| 15  | BKCB9664 | Vũ Thị          | Đào   | 20/08/1998 | Lâm Đồng              | 10.0           | 9.67           | Đạt       |         |
| 16  | BKCB9665 | Nguyễn Thành    | Đạt   | 15/11/1996 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.67           | 10.0           | Đạt       |         |
| 17  | BKCB9666 | Nguyễn Tiến     | Đạt   | 05/12/2004 | Đồng Nai              | 7.67           | 9.67           | Đạt       |         |
| 18  | BKCB9667 | Thị             | Diễm  | 30/04/2005 | Bình Phước            | 10.0           | 7.5            | Đạt       |         |
| 19  | BKCB9668 | Trần Ngọc Hoàng | Diệu  | 06/05/1994 | Thành Phố Hồ Chí Minh | 9.33           | 9.0            | Đạt       |         |
| 20  | BKCB9669 | Bùi Hữu         | Đức   | 16/09/1999 | Lâm Đồng              | 5.67           | 9.33           | Đạt       |         |
| 21  | BKCB9670 | Lê Diệp Hải     | Dương | 25/07/1999 | Đồng Tháp             | 10.0           | 9.17           | Đạt       |         |
| 22  | BKCB9671 | Nguyễn Khánh    | Dương | 09/06/1999 | Bình Thuận            | 8.33           | 8.83           | Đạt       |         |
| 23  | BKCB9672 | Trần Anh        | Duy   | 25/09/2002 | Đắk Lắk               | 7.67           | 8.67           | Đạt       |         |
| 24  | BKCB9673 | Phan Thị Bảo    | Hân   | 11/09/2006 | Tây Ninh              | 10.0           | 9.17           | Đạt       |         |
| 25  | BKCB9674 | Phạm Thị Kim    | Hằng  | 02/05/2003 | Tây Ninh              | 8.67           | 8.5            | Đạt       |         |
| 26  | BKCB9675 | Phan            | Hào   | 16/08/2006 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.33           | 8.17           | Đạt       |         |
| 27  | BKCB9676 | Lê Minh         | Hiếu  | 30/05/2007 | Cần Thơ               | 10.0           | 8.83           | Đạt       |         |
| 28  | BKCB9677 | Nguyễn Ngọc     | Hiếu  | 22/06/2008 | Tây Ninh              | 9.0            | 8.33           | Đạt       |         |
| 29  | BKCB9678 | Phan Thái       | Hòa   | 01/12/1969 | Hà Tĩnh               | 2.33           | 0.0            | Không đạt |         |
| 30  | BKCB9679 | Bùi Thị         | Hoa   | 03/09/2005 | Bình Dương            | 5.67           | 7.17           | Đạt       |         |
| 31  | BKCB9680 | Đỗ Thị Tuyết    | Hồng  | 18/02/1988 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6.67           | 5.5            | Đạt       |         |
| 32  | BKCB9681 | Phạm Nguyễn Lan | Hương | 08/05/2005 | Đồng Nai              | 8.0            | 8.17           | Đạt       |         |
| 33  | BKCB9682 | Võ Gia          | Hương | 17/10/2004 | Bình Định             | 8.33           | 8.5            | Đạt       |         |
| 34  | BKCB9683 | Nguyễn Hoàng    | Khôi  | 31/01/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6.0            | 7.0            | Đạt       |         |
| 35  | BKCB9684 | Nguyễn Thị Thúy | Kiều  | 10/04/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6.33           | 7.67           | Đạt       |         |
| 36  | BKCB9685 | Tăng Mỹ         | Linh  | 06/11/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8.33           | 8.5            | Đạt       |         |

| STT | SBD      | Họ và Tên         |        | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm lý thuyết | Điểm Thực hành | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|-------------------|--------|------------|-----------------------|----------------|----------------|---------|---------|
| 37  | BKCB9686 | Trần Thị Ngọc     | Linh   | 25/01/2005 | Nghệ An               | 9.0            | 6.5            | Đạt     |         |
| 38  | BKCB9687 | Ngô Thuỷ          | Lộc    | 08/02/2000 | Tây Ninh              | 10.0           | 9.33           | Đạt     |         |
| 39  | BKCB9688 | Trương Thị Phước  | Lộc    | 29/08/1997 | Tây Ninh              | 8.33           | 9.0            | Đạt     |         |
| 40  | BKCB9689 | Huỳnh Trúc        | Ly     | 22/02/2011 | Tây Ninh              | 9.67           | 8.17           | Đạt     |         |
| 41  | BKCB9690 | Bùi Thị Xuân      | Mai    | 07/11/2003 | Thành Phố Hồ Chí Minh | 8.67           | 6.83           | Đạt     |         |
| 42  | BKCB9691 | Trương Hiền       | Mai    | 02/10/1998 | Đồng Nai              | 9.0            | 8.33           | Đạt     |         |
| 43  | BKCB9692 | Nguyễn Dương Trà  | My     | 24/10/2002 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.33           | 10.0           | Đạt     |         |
| 44  | BKCB9693 | Võ Thị Huyền      | My     | 08/10/2002 | Cần Thơ               |                |                |         | Vắng    |
| 45  | BKCB9694 | Nguyễn Trần Thiên | Nga    | 09/02/2001 | Trà Vinh              | 9.33           | 9.5            | Đạt     |         |
| 46  | BKCB9695 | Trần Thị Huỳnh    | Nga    | 08/02/2002 | Sóc Trăng             | 9.67           | 9.17           | Đạt     |         |
| 47  | BKCB9696 | Kiều Trịnh Ngọc   | Ngân   | 12/11/2002 | Long An               | 8.0            | 9.17           | Đạt     |         |
| 48  | BKCB9697 | Trần Thị Kim      | Ngân   | 19/08/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6.0            | 6.67           | Đạt     |         |
| 49  | BKCB9698 | Trần Tố           | Ngân   | 01/08/1995 | Kiên Giang            | 9.67           | 6.33           | Đạt     |         |
| 50  | BKCB9699 | Lý Kim            | Ngân   | 21/12/2004 | Thành phố Hồ Chí Minh | 8.0            | 6.5            | Đạt     |         |
| 51  | BKCB9700 | Đặng Thị Như      | Ngọc   | 19/10/2004 | Cần Thơ               | 7.0            | 7.33           | Đạt     |         |
| 52  | BKCB9701 | Vũ Lê             | Ngọc   | 20/03/1993 | Đắk Lắk               | 9.0            | 9.17           | Đạt     |         |
| 53  | BKCB9702 | Hoàng Thị         | Nguyệt | 23/11/2003 | Thanh Hóa             | 9.33           | 9.5            | Đạt     |         |
| 54  | BKCB9703 | Vũ Thị Thanh      | Nhã    | 06/02/2004 | Bắc Ninh              | 6.67           | 8.83           | Đạt     |         |
| 55  | BKCB9704 | Chí Trần Trọng    | Nhân   | 28/10/2003 | Đồng Nai              | 7.67           | 9.33           | Đạt     |         |
| 56  | BKCB9705 | Nguyễn Hữu Trí    | Nhân   | 18/11/2001 | Đồng Nai              | 8.0            | 10.0           | Đạt     |         |
| 57  | BKCB9706 | Nguyễn Tường      | Nhân   | 28/05/1999 | Lâm Đồng              | 8.33           | 9.17           | Đạt     |         |
| 58  | BKCB9707 | Nguyễn Phạm Yên   | Nhi    | 06/09/2002 | Lâm Đồng              | 10.0           | 9.83           | Đạt     |         |
| 59  | BKCB9708 | Trần Thị Ngọc     | Nhi    | 17/09/2002 | Lâm Đồng              |                |                |         | Vắng    |
| 60  | BKCB9709 | Nguyễn Thị Huỳnh  | Như    | 13/06/1980 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.67           | 7.0            | Đạt     |         |
| 61  | BKCB9710 | Vương Thị Huỳnh   | Như    | 01/06/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.33           | 9.33           | Đạt     |         |
| 62  | BKCB9711 | Lê Thị Tuyết      | Nhung  | 12/11/2005 | Đắk Lắk               | 9.33           | 8.67           | Đạt     |         |
| 63  | BKCB9712 | Nguyễn Thị Duy    | Ny     | 13/12/2003 | Gia Lai               | 9.67           | 6.33           | Đạt     |         |
| 64  | BKCB9713 | Nguyễn Thị Khánh  | Ny     | 21/11/2003 | Phú Yên               | 9.0            | 8.33           | Đạt     |         |
| 65  | BKCB9714 | Võ Nguyên         | Phong  | 06/01/1986 | Thành phố Hồ Chí Minh |                |                |         | Vắng    |
| 66  | BKCB9715 | Vũ Thanh          | Phương | 23/10/2005 | Bình Phước            | 7.33           | 6.17           | Đạt     |         |
| 67  | BKCB9716 | Bùi Kim           | Phượng | 17/09/2000 | Cần Thơ               | 9.0            | 7.83           | Đạt     |         |
| 68  | BKCB9717 | Nguyễn Thị Yên    | Phượng | 27/04/1999 | Tây Ninh              | 8.67           | 8.67           | Đạt     |         |
| 69  | BKCB9718 | Trần Thị Nam      | Phương | 29/09/2004 | Đồng Nai              | 5.33           | 6.17           | Đạt     |         |
| 70  | BKCB9719 | Hoàng Nhật        | Quang  | 24/09/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh |                |                |         | Vắng    |
| 71  | BKCB9720 | Nguyễn Như        | Quỳnh  | 07/09/2004 | Bạc Liêu              | 7.33           | 7.67           | Đạt     |         |
| 72  | BKCB9721 | Vũ Thị Thu        | Sương  | 09/12/2004 | Đắk Lắk               | 10.0           | 9.5            | Đạt     |         |
| 73  | BKCB9722 | Đặng Minh         | Tân    | 21/05/2003 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.0            | 9.17           | Đạt     |         |
| 74  | BKCB9723 | Bùi Trọng         | Tấn    | 02/10/2004 | Hà Nội                | 9.67           | 9.83           | Đạt     |         |
| 75  | BKCB9724 | Đặng Trường       | Thái   | 29/01/1984 | Bến Tre               | 9.67           | 8.67           | Đạt     |         |
| 76  | BKCB9725 | Lê Bùi Phương     | Thái   | 09/03/2004 | An Giang              | 9.33           | 9.17           | Đạt     |         |
| 77  | BKCB9726 | Lê Thị Thu        | Thảo   | 01/09/1993 | Quảng Trị             | 9.33           | 9.83           | Đạt     |         |

| STT | SBD      | Họ và Tên        |        | Ngày Sinh  | Nơi Sinh              | Điểm lý thuyết | Điểm Thực hành | Kết quả | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|--------|------------|-----------------------|----------------|----------------|---------|---------|
| 78  | BKCB9727 | Nguyễn Thanh     | Thảo   | 27/04/1988 | Thành phố Hồ Chí Minh | 10.0           | 5.0            | Đạt     |         |
| 79  | BKCB9728 | Nguyễn Thị       | Thảo   | 07/01/1994 | Bắc Ninh              | 6.33           | 5.83           | Đạt     |         |
| 80  | BKCB9729 | Trần Thị Phương  | Thảo   | 13/07/2003 | Tây Ninh              | 9.0            | 8.67           | Đạt     |         |
| 81  | BKCB9730 | Trần Thu         | Thảo   | 19/02/1993 | Lâm Đồng              | 7.67           | 6.67           | Đạt     |         |
| 82  | BKCB9731 | Nguyễn Thị Thu   | Thảo   | 21/02/2005 | Bình Dương            | 9.33           | 7.67           | Đạt     |         |
| 83  | BKCB9732 | Nguyễn Lê Tiến   | Thịnh  | 09/12/1999 | Quảng Ngãi            | 9.0            | 7.33           | Đạt     |         |
| 84  | BKCB9733 | Lê Đức           | Thọ    | 17/03/1994 | Gia Lai               | 7.67           | 9.33           | Đạt     |         |
| 85  | BKCB9734 | Nguyễn Anh       | Thư    | 30/01/2002 | Long An               | 9.33           | 9.33           | Đạt     |         |
| 86  | BKCB9735 | Nguyễn Phương    | Thư    | 25/11/2003 | Vĩnh Long             | 9.33           | 8.33           | Đạt     |         |
| 87  | BKCB9736 | Trần Thị Quí     | Tiên   | 28/08/2003 | Vĩnh Long             | 9.0            | 9.67           | Đạt     |         |
| 88  | BKCB9737 | Lê Thị Bảo       | Trâm   | 20/08/2003 | Lâm Đồng              | 9.0            | 9.0            | Đạt     |         |
| 89  | BKCB9738 | Lê Nguyễn Thảo   | Trân   | 02/07/1999 | An Giang              | 9.0            | 8.33           | Đạt     |         |
| 90  | BKCB9739 | Nguyễn Thiên     | Trang  | 15/07/1993 | Đồng Nai              | 9.33           | 9.33           | Đạt     |         |
| 91  | BKCB9740 | Trần Thị Minh    | Trang  | 28/09/1998 | Thành phố Hồ Chí Minh | 5.0            | 6.67           | Đạt     |         |
| 92  | BKCB9741 | Nguyễn An Quỳnh  | Trang  | 11/01/2007 | Thành phố Hồ Chí Minh | 9.33           | 9.0            | Đạt     |         |
| 93  | BKCB9742 | Trương Minh Quốc | Trí    | 15/09/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.67           | 9.33           | Đạt     |         |
| 94  | BKCB9743 | Nguyễn Nhật      | Trường | 04/11/2004 | An Giang              | 9.0            | 9.17           | Đạt     |         |
| 95  | BKCB9744 | Nguyễn Anh       | Tú     | 10/12/2003 | Quảng Ngãi            | 8.67           | 9.0            | Đạt     |         |
| 96  | BKCB9745 | Lê Trần Quốc     | Tuấn   | 11/09/2002 | Gia Lai               |                |                |         | Vắng    |
| 97  | BKCB9746 | Nguyễn Đức       | Tùng   | 15/01/2002 | Khánh Hoà             |                |                |         | Vắng    |
| 98  | BKCB9747 | Nguyễn Văn       | Văn    | 24/10/1992 | Hải Dương             | 8.0            | 8.67           | Đạt     |         |
| 99  | BKCB9748 | Trần Ngọc Minh   | Vân    | 13/05/2005 | Thành phố Hồ Chí Minh | 6.67           | 6.67           | Đạt     |         |
| 100 | BKCB9749 | Đỗ Thị Thuý      | Vy     | 03/04/2003 | Quảng Bình            | 10.0           | 9.5            | Đạt     |         |
| 101 | BKCB9750 | Nguyễn Lê Thanh  | Yên    | 19/02/2001 | Thành phố Hồ Chí Minh | 7.67           | 7.33           | Đạt     |         |
| 102 | BKCB9751 | Huỳnh Thị Kim    | Yến    | 09/10/2003 | Gia Lai               | 7.33           | 5.5            | Đạt     |         |
| 103 | BKCB9752 | Nguyễn Lương Bảo | Yến    | 09/11/2003 | Phú Yên               | 7.0            | 8.83           | Đạt     |         |
|     |          |                  |        |            |                       |                |                |         |         |

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:103Số thí sinh đạt:96

Số lượng hiện diện:97

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhựt

Thoại Nam